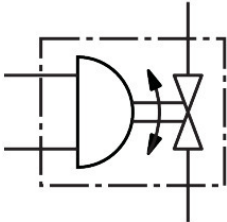


**Bộ truyền động van bi**  
**VZBM-A-11/2"-RP-25-D-2-B2-PA20**  
Số bộ phận: 8070240

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                      |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng                     | Van bi 2 chiều<br>Bộ truyền động xoay                                                                                                        |
| Kiểu vận hành                         | khí nén                                                                                                                                      |
| Vị trí lắp đặt                        | bất kì                                                                                                                                       |
| Kiểu gắn                              | Lắp đặt đường dây                                                                                                                            |
| Cổng nối van                          | Rp1 1/2                                                                                                                                      |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch           | Hướng khe = hướng lưu lượng                                                                                                                  |
| Chiều rộng danh nghĩa DN              | 40                                                                                                                                           |
| Áp suất vận hành                      | 5.5 bar...8 bar                                                                                                                              |
| Áp suất danh nghĩa phần ứng PN        | 25                                                                                                                                           |
| Môi chất                              | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:--]<br>Khí trơ<br>Nước - không phải hơi nước<br>chất lỏng trung tính                                         |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                         |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Điểm sương thấp hơn nhiệt độ môi trường và nhiệt độ trung bình ít nhất 10°C<br>Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Nhiệt độ trung bình                   | -15 °C...90 °C                                                                                                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...80 °C                                                                                                                               |
| Lưu lượng Kv                          | 156 m³/h                                                                                                                                     |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                           |
| Vật liệu vỏ                           | Đồng thau, mạ niken                                                                                                                          |
| Số vật liệu vỏ                        | CW617N                                                                                                                                       |
| Vật liệu của phốt                     | FPM<br>HNBR<br>PTFE                                                                                                                          |
| Vật liệu khớp cầu                     | Đồng thau, mạ crom                                                                                                                           |
| Số vật liệu cầu                       | CW614N                                                                                                                                       |
| Vật liệu trục                         | Đồng thau                                                                                                                                    |
| Số vật liệu trục                      | CW614N                                                                                                                                       |

| Đặc tính             | Giá trị                  |
|----------------------|--------------------------|
| trọng lượng sản phẩm | 2443 g                   |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 1 - ứng suất ăn mòn thấp |